

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT, TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ - ST.

Ngày: 18 - 6 - 2018.

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT — TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Kiều Thị Ninh.**

2. Bà **Đỗ Thị Hoà.**

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vì Thị L**, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Bản CL, xã CH, huyện MC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh **Trương Quốc T**, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 1, thôn PM, xã NT, huyện PT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, chị **Vì Thị L** trình bày: Chị và anh **Trương Quốc T** kết hôn với nhau 2013, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2013 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình kết hôn và sống chung, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2014 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh **T** thường xuyên gây sự, chửi bới và đánh đập chị **L**. Hai bên gia đình đã động viên, hoà giải nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ khoảng giữa năm 2015 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị **L** xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh **T**, đề nghị Tòa án

giải quyết cho chị ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trương Thị Linh M, sinh ngày 05/01/2014, hiện cháu đang ở với chị L. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Không có gì.

- Anh Trương Quốc T khai: Anh và chị L kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện PT trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn do cả hai thường xuyên bất đồng. Anh thừa nhận, thỉnh thoảng anh có uống rượu không kiềm chế được bản thân nên có cãi nói nhau với vợ. Năm 2015 chị L tự ý bỏ nhà đi không còn liên lạc gì với nhau nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh Trương Quốc T không đồng ý, nếu chị L kiên quyết thì anh T cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Trương Thị Linh M, sinh ngày 05/01/2014, hiện đang ở với mẹ. Ly hôn anh T đồng ý giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý. Về tài sản chung, công sức, về nợ: Không có gì.

Tại phiên tòa, chị Vì Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Quốc T; anh Trương Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, các thủ tục hòa giải, đối chất đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Vì Thị L và anh Trương Quốc T chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Bác đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Vì Thị L đối với anh Trương Quốc T; chị Vì Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị Vì Thị L và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Do anh Trương Quốc T là bị đơn trong vụ án không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến

hành hoà giải được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 01 tháng 6 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị L và anh Trương Quốc T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện PT vào ngày 14/8/2013 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình kết hôn và sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng và đã ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn liên lạc gì với nhau nữa. Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vì Thị L là phù hợp pháp luật.

- Về con chung: Xác định chị Vì Thị L và anh Trương Quốc T có 01 con chung là Trương Thị Linh M, sinh ngày 05/01/2014. Do các đương sự thoả thuận giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nên giao cháu M cho chị L nuôi là phù hợp. Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

- Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Về án phí: Chị Vì Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Vì Thị L.

+ Chị Vì Thị L được ly hôn anh Trương Quốc T.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Trương Thị Linh M, sinh ngày 05/01/2014. Giao cháu Trương Thị Linh M cho chị Vì Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trương Thị Linh M đủ 18 tuổi. Anh Trương Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vì Thị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản, về công sức, về nợ: Các đương sự xác định không có.

+ Về án phí: Chị Vì Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005231 ngày 02/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Vì Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trương Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết. .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- UBND xã NT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Ngọc

